

HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ và các chức năng chính của ngôn ngữ trong giao tiếp.
- Nắm được các nhân tố của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ và tác động của chúng đối với hiệu quả giao tiếp.
- Biết vận dụng những tri thức trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

1. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất

Hoạt động giao tiếp được hiểu là sự trao đổi thông tin giữa người với người.

Để giao tiếp, trong đời sống xã hội xưa nay, con người có thể dùng nhiều loại phương tiện khác nhau :

- Điện bộ, cursive (gật đầu, lắc đầu, nheo mắt, nhún vai, vẫy tay,...).
- Màu sắc, ánh sáng (màu đen, màu đỏ, màu vàng, màu xanh trên bao bì được phẩm, đèn hiệu giao thông,...).
- Đường nét, hình vẽ (biển chỉ đường,...).
- Các loại mật mã.
- Hội họa.
- Âm nhạc,...

Dù có liệt kê đầy đủ các phương tiện giao tiếp khác nhau như vừa thấy, thì ngôn ngữ vẫn là "phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người" (Lê-nin).

2. Các nhân tố của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ và chức năng của ngôn ngữ

Tham gia vào hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (nói hay viết), có nhiều nhân tố ; việc xác định số lượng các nhân tố đó cho đến nay vẫn còn có những ý kiến khác nhau. Theo Gia-cốp-xon (Jakobson), các nhân tố *bên trong* của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ gồm có :

- 1) Người nói (người viết)
- 2) Người nghe (người đọc)
- 3) Đối tượng
- 4) Ngôn ngữ
- 5) Đường kinh
- 6) Văn bản.

Cùng với những nhân tố trên, *hoàn cảnh giao tiếp*, với tư cách là một yếu tố bên ngoài, giữ vai trò cực kì quan trọng trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Căn cứ vào quan điểm của Gia-cốp-xơn và dựa vào ý kiến của một số nhà ngôn ngữ học khác, SGK đưa ra bốn nhân tố của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ như sau :

- 1) Nhân vật giao tiếp (gồm người nói / người viết ; người nghe / người đọc).
- 2) Công cụ giao tiếp và đường kinh giao tiếp (gồm ngôn ngữ, văn bản, đường kinh).
- 3) Nội dung giao tiếp (tức đối tượng được lấy làm nội dung giao tiếp).
- 4) Hoàn cảnh giao tiếp.

Cũng theo Gia-cốp-xơn, những nhân tố giao tiếp như vừa nói trên đây có sự tương ứng với các chức năng cụ thể của ngôn ngữ :

- 1) Chức năng bộc lộ (biểu cảm) liên quan tới vai trò của người nói (người viết), được thể hiện khi người nói (người viết) hướng về chính mình, tự bộc lộ tình cảm, thái độ của mình đối với người nghe (người đọc) và đối với đối tượng được lấy làm nội dung giao tiếp.
- 2) Chức năng tác động liên quan tới vai trò của người nghe (người đọc), được thể hiện khi người nói (người viết) hướng vào người nghe (người đọc), nêu lên điều mong muốn, đòi hỏi, cần sự đáp ứng của người nghe (người đọc).
- 3) Chức năng thông báo, phản ánh liên quan tới vai trò của đối tượng được lấy làm nội dung giao tiếp, được thể hiện khi người nói (người viết) hướng vào đối tượng, đề cập đến nó, diễn đạt nó cho người nghe (người đọc) linh hội.
- 4) Chức năng siêu ngôn ngữ liên quan tới vai trò của ngôn ngữ, được thể hiện khi người nói (người viết) hướng vào ngôn ngữ, coi ngôn ngữ là đối tượng được lấy làm nội dung giao tiếp, giải thích, miêu tả nó cho người nghe (người đọc) nhận biết.

5) Chức năng liên hệ liên quan tới vai trò của đường kênh, được thể hiện khi người nói (người viết) hướng vào đường kênh, tuân theo những yêu cầu cụ thể của từng loại đường kênh, bảo đảm cho sự truyền tin được thông suốt.

6) Chức năng nghệ thuật – thẩm mĩ liên quan tới vai trò của văn bản, được thể hiện khi người nói (người viết) hướng vào văn bản, dành sự quan tâm đặc biệt cho chính tổ chức nội tại của văn bản, làm cho văn bản phát huy hiệu quả thẩm mĩ đối với người nghe (người đọc).

Dựa vào quan điểm của Gia-cốp-xon và theo ý kiến của nhiều nhà ngôn ngữ học khác, SGK chỉ đưa ra ba chức năng cụ thể của ngôn ngữ như sau :

1) Chức năng thông báo sự việc (được hiểu bao gồm cả chức năng siêu ngôn ngữ, chức năng liên hệ, chức năng nghệ thuật).

2) Chức năng bộc lộ (biểu cảm).

3) Chức năng tác động.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Mở đầu, GV gợi ý cho HS phát biểu hiểu biết của mình về vai trò của hoạt động giao tiếp trong đời sống xã hội. Từ đó dẫn dắt HS đi vào các nội dung theo trình tự có trong SGK.

2. Để dạy mục 1, trước hết GV cho HS kể ra những phương tiện mà con người dùng làm công cụ giao tiếp. Trong những phương tiện đó, ngôn ngữ được coi là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất.

Tiếp đó, GV giảng cho HS về hai quá trình (sản sinh văn bản và lĩnh hội văn bản) và hai loại nội dung của văn bản.

3. Nội dung mục 2 cần được GV diễn giải.

4. Sau khi hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục 3, theo trình tự trong SGK, cho HS làm *bài tập 1* tại lớp.

Bài tập 1

– Nhân vật giao tiếp

+ Người viết : một tác giả SGK. (Khi dạy bài này ở lớp thì GV là người nói).

+ Người đọc : học sinh. (Khi dạy bài này ở lớp thì HS là người nghe).

- *Công cụ giao tiếp và đường kênh giao tiếp*
 - + Công cụ giao tiếp : tiếng Việt.
 - + Đường kênh giao tiếp : văn bản in trên giấy. (Khi dạy, GV nói trực tiếp với HS).
 - *Nội dung giao tiếp* : Giới thiệu khái quát về văn học Việt Nam.
 - *Hoàn cảnh giao tiếp* : Tiết đầu tiên về môn Ngữ văn ở lớp 10 nói riêng, ở THPT nói chung.

5. Tiến trình dạy mục 4 cũng được thực hiện như mục 3, rồi cho HS làm Bài tập 2 tại lớp.

Bài tập 2

Trong giao tiếp hàng ngày, người Việt Nam rất chú trọng lựa chọn các từ xưng hô thích hợp.

a) Do sự chi phối của mối tương quan giữa ba nhân tố sau đây : *người nói*, *người nghe*, *đối tượng* được lấy làm nội dung giao tiếp (nhất là khi đối tượng đó là con người). Những mối tương quan ấy thường là :

- Tương quan về thứ bậc gia đình.
 - Tương quan về tuổi tác.
 - Tương quan về vị thế xã hội.
 - Tương quan về độ thân sơ.
- v.v.

b) Do sự chi phối của *hoàn cảnh giao tiếp* : hoàn cảnh giao tiếp có tính lễ nghi (chẳng hạn trong hội nghị), hoàn cảnh giao tiếp không có tính lễ nghi, thân tình.

Từ hiểu biết trên, GV hướng dẫn HS phân tích cách xưng hô giữa nhân vật Cải và thầy lí trong truyện cười *Nhưng nó phải bằng hai mà*.

6. Kết thúc bài học, có thể cho HS làm Bài tập 3. Chẳng hạn, dẫn ra những câu :

- *Ăn có nhai, nói có nghĩ.*
 - *Nói có sách, mách có chứng.*
 - *Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.*
- v.v.